CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 10 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 11 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
05:00	Minh Quân 68	6,0	106,00	9.047	NB 01	TH PTSC	P0	Cầu 1	Nil
07:00	Huy Hùng 68	5,99	79,95	4.103	Nil	TH PTSC	P0	Cầu 1	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
05:40	MINH KHANG 68	1,2	58,40	905	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Cập mạn tàu PHÚC HẢI 18
07:20	HÙNG DŨNG 10	4,5	79,00	3.170	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 3	Cập mạn tàu PIONEER MIRA
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil

4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
00:00	Viễn Đông 151	4	102,79	6.725	LS 135	TH LS	P/s	Cầu 8	Nil
13:00	Trường Hải 01	7,3	98,17	7.088	LS 135 LS 136	TH LS	P/s	Cầu 9	Nil
14:00	Khánh Minh 68	2,3	77,70	3.065	Nil	TH LS	P/s	Cầu 8,2-9	Nil
16:00	BZ LINHAI	5	155,85	19.451	LS 135 LS 136	TH LS	P/s	Cầu 8	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
05:20	Minh Hằng 313	5,0	77,20	3.300	Nil	TH QTr	P0	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
17:00	ANDALUCIA	5,0	199,00	49.527	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P/s	Cầu số 03	KPB
18:00	OCEAN 88	4,0	128,00	13.117	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P/s	Cầu số 02	ĐỨC NHÂN
19:00	CHÍ THÀNH 68	4,0	79,00	2.761	Nil	TH QT	P/s	Cầu số 02	Nil
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
02:00	Minh Tân 18	5,6	79,75	3917	Nil	CD NĐ1	P0	NĐ1	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil

9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
	N/A				Nil	CDXM	P0	Cầu 2	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
11:00	Hà An 02	2,5	53,00	854.2	Nil	CD AP	P0	AP1	NSAgency
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
02:00	PHU DAT 16	4,2	109,90	6.399	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	Hàng Hải Nghi Sơn
05:00	NHA BE 08	5,5	104,99	6.679	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2B	VITACO Nghi Son
14:00	HOANG HA OCEAN	3,9	110,20	6.800	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	Hàng Hải Nghi Sơn
15:00	XING ZHONG HAI	4,0	115,80	10.210	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 1A	Hàng Hải Nam Khanh
16:00	AN PHU 16	4,6	97,28	5.645	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	Hàng Hải Nghi Sơn
20:00	GOLD STAR 19	5,4	117,54	9.130	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	Hàng Hải Nghi Sơn
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
17:30	Phúc Hoàng 26	3,83	79,99	3.795	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
22:00	MẶT TRỜI VIỆT 26	4,0	79,68	2.635	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil

06:00	THÀNH PHÁT 89	5,78	79,86	4.622	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
15:40	BẢO LONG 05	2,5	79,80	3.718	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
04:00	MINH KHÁNH 36	4,8	79,80	4.451	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
05:00	HOÀNG ANH 68	2,5	79,70	4.102	Nil	TH ĐD	Cầu 3	P0	Nil
17:00	PHÚC HẢI 18	4,6	94,25	4.998	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 4	P/s	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
23:00	CHANYA NAREE	3,5	157,00	21.113	LS 135 LS 136	TH LS	Cầu 8	P/s	Nil
12:00	Hòa Bình	6,5	106,18	7.568	LS 135	TH LS	Cầu 9	P/s	Nil
15:00	Quang Trung 68	7,0	102,80	7.997	LS 135	TH LS	Cầu 9,2-10	P/s	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
	N/A				Nil	TH QTr	Cầu 11	P0	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							

	N/A				VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 05	P/s	KPB
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
01:00	Tấn Phúc 01	5,2	79.8	3.336	Nil	CD NĐ1	NĐ1	P0	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A	5,6	145,00	180.000	HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
	N/A				Nil	CDXM	Cầu 2	P0	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
11:00	Hà An 02	2,5	53,00	854.2	Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
04:00	SH VENUS	7,5	107,75	6.894	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2B	P/s	Hàng Hải Nam Khanh
12:00	BLUE OCEAN 01	6,0	96,72	4.940	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
13:00	QUANG VINH STAR	7,5	113,20	9.229	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
19:00	PHU DAT 16	6,3	109,90	6.399	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
B. KHU VỰC LỆ MÔN									

Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							
						Lệ Môn	Lệ Môn	Nghi Sơn	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									
						Thanh Hoá, 17h00' ngày 10 tháng 11 năm 2026			
Nơi nhận: - Như trên; - Giám đốc (để b/cáo); - Chi nhánh Hoa tiêu VI; - Phòng AT&ANHH; - Các Doanh cảng biển; (để t/hiện) - Các Doanh nghiệp lai dắt; - Lưu: QLKCHT.		**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH** **Mai Văn Khánh**				**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Lê Duy Hiếu**			